ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ IA CHIA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 283 /KH-UBND	*Ia Chia, ngày 28 tháng 10 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (hỗ trợ bò cái sinh sản) thuộc Nội dung thành phần số 03 của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS & MN giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn xã Ia Chia năm 2026

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị định số 358/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị định số 98/2018/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Quyết định số 417/QĐ-BNNMT);

Căn cứ Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT);

Căn cứ Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 72/2026/NQ-HĐND ngày 29/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 73/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định mức hỗ trợ một dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 73/2026/NQ-HĐND ngày 29/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ một dự án, định mức hỗ trợ cho các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 45/2026/NQ-HĐND ngày 29/5/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 01/5/2026 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 98/2026/QĐ-UBND ngày 31/5/2026 của UBND tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây viết tắt là Quyết định số 98/2026/QĐ-UBND);

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 của UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia; Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng của Sở Tài chính (sau đây viết tắt là Quyết định số 417/QĐ-UBND);

Căn cứ Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Ia Chia về việc điều chỉnh đơn vị thực hiện kinh phí sự nghiệp năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn xã Ia Chia;

Căn cứ Kế hoạch số 252/KH-UBND ngày 23/09/2026 của UBND xã về Kế hoạch thực hiện các nội dung thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn xã Ia Chia năm 2026 (Hợp phần thứ nhất);

Ủy ban nhân dân xã Ia Chia ban hành Kế hoạch thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (hỗ trợ bò cái sinh sản) thuộc Nội dung thành phần số 03 của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS & MN giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn xã Ia Chia năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai kịp thời, đúng quy định các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực chăn nuôi; tạo sinh kế ổn định, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã.

- Hỗ trợ các hộ dân có điều kiện phát triển chăn nuôi bò cái sinh sản; từng bước hình thành, phát triển đàn bò, tạo nguồn bê giống phục vụ tái đàn, mở rộng sản xuất và tăng thu nhập cho hộ gia đình.

- Nâng cao kiến thức, kỹ năng chăn nuôi cho người dân thông qua hướng dẫn kỹ thuật lựa chọn con giống, chăm sóc, nuôi dưỡng, phối giống, quản lý sinh sản, vệ sinh chuồng trại, phòng chống dịch bệnh và xử lý chất thải chăn nuôi theo quy định.

- Phát huy vai trò của cộng đồng trong tổ chức sản xuất, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực hỗ trợ; khuyến khích các hộ tham gia liên kết, trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ nhau trong chăn nuôi, tiêu thụ sản phẩm và nhân rộng mô hình khi có hiệu quả.

2. Yêu cầu

- Việc lựa chọn, phê duyệt và tổ chức thực hiện dự án phải đúng mục tiêu, đúng đối tượng, đúng nội dung, mức hỗ trợ, thẩm quyền và trình tự theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và các văn bản có liên quan; bảo đảm công khai, minh bạch, không trùng lặp nội dung hỗ trợ với chương trình, dự án, chính sách khác.

- Dự án phát triển sản xuất phải bảo đảm tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia; ưu tiên dự án có trên 70% người dân tham gia thuộc các nhóm đối tượng ưu tiên theo quy định.

- Việc lựa chọn hộ tham gia phải căn cứ nhu cầu thực tế, điều kiện lao động, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng bò, điều kiện chuồng trại, nguồn thức ăn, khả năng đối ứng và cam kết thực hiện dự án; bảo đảm công khai, dân chủ, đúng đối tượng.

- Việc huy động phần đối ứng và các nguồn lực hợp pháp khác của hộ dân, cộng đồng phải trên cơ sở tự nguyện, phù hợp khả năng và được thể hiện cụ thể trong hồ sơ dự án; không huy động quá sức dân.

- Bò cái sinh sản được hỗ trợ phải đáp ứng yêu cầu về nguồn gốc, chất lượng, sức khỏe, khả năng sinh sản và các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định; bảo đảm phù hợp điều kiện chăn nuôi tại địa phương.

- Không gộp hoặc đồng thời áp dụng cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng cho cùng một dự án. Cơ chế thực hiện của từng dự án được xác định trên cơ sở hồ sơ đề xuất, điều kiện lựa chọn và kết quả đánh giá theo quy định.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện: Thực hiện trên địa bàn xã Ia Chia; ưu tiên làng đặc biệt khó khăn trên địa bàn xã.

Địa bàn, số lượng hộ và quy mô hỗ trợ cụ thể được xác định trên cơ sở nhu cầu thực tế, kết quả rà soát đối tượng, điều kiện chăn nuôi và hồ sơ dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối tượng tham gia: Người dân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong thời hạn 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới và các đối tượng khác thuộc phạm vi hỗ trợ của Chương trình.

3. Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP. Cụ thể:

- Bảo đảm điều kiện kỹ thuật cho từng loại dự án phát triển sản xuất của từng ngành nghề, lĩnh vực quản lý theo quy định.

- Bảo đảm tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình MTQG theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

- Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm thực hiện các dự án hoặc hoạt động phát triển sản xuất trên địa bàn.

- Hộ gia đình tham gia dự án có điều kiện về lao động, chuồng trại hoặc địa điểm nuôi phù hợp, nguồn thức ăn, nước uống, khả năng chăm sóc và quản lý vật nuôi; cam kết thực hiện phần đối ứng và sử dụng bò được hỗ trợ đúng mục đích.

- Có phương án chăn nuôi, chăm sóc, quản lý sinh sản, phòng chống dịch bệnh và xử lý chất thải phù hợp; bảo đảm các điều kiện về thú y, môi trường và phúc lợi động vật theo quy định.

- Việc hỗ trợ không trùng lặp với nội dung hỗ trợ từ các chương trình, dự án, chính sách khác.

4. Thời gian thực hiện: Tổ chức lựa chọn, phê duyệt, bố trí và giải ngân kinh phí trong năm 2026 theo dự toán được giao; thời gian thực hiện từng dự án căn cứ chu kỳ sản xuất, tiến độ và Quyết định phê duyệt dự án, bảo đảm không vượt thời hạn thực hiện Chương trình.

III. NỘI DUNG, QUY MÔ VÀ DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Nội dung hỗ trợ

- Hỗ trợ bò cái sinh sản: lựa chọn, mua sắm và cung ứng bò cái sinh sản bảo đảm nguồn gốc, chất lượng, tình trạng sức khỏe, khả năng sinh sản và yêu cầu kỹ thuật theo quy định; số lượng, chủng loại, tiêu chuẩn và đơn giá thực hiện theo hồ sơ, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật: tổ chức hướng dẫn các hộ tham gia dự án về lựa chọn giống, chăm sóc và nuôi dưỡng bò cái sinh sản; xây dựng, cải tạo chuồng trại phù hợp; chế biến, dự trữ thức ăn; chăm sóc bò mang thai, bò đẻ

và bê con; quản lý phối giống, sinh sản; nhận biết dấu hiệu bệnh và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

- Hỗ trợ công tác lựa chọn, quản lý, theo dõi, kiểm tra, nghiệm thu dự án theo nội dung chi và mức chi được pháp luật cho phép; các khoản chi phải nằm trong phạm vi dự toán được giao và hồ sơ dự án được phê duyệt.

2. Mức hỗ trợ

a) Mức hỗ trợ

- Mức hỗ trợ dự án: Theo điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 73/2026/NQ-HĐND, cụ thể:

Dự án phát triển sản xuất cộng đồng: Mức hỗ trợ tối đa 1.500 triệu đồng/dự án. Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn, biên giới, xã đảo; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một dự án trên các địa bàn còn lại thuộc phạm vi đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030.

- Định mức hỗ trợ cho các đối tượng tham gia dự án: Theo điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 73/2026/NQ-HĐND: Hỗ trợ 50 triệu đồng/hộ nghèo, hộ cận nghèo; hỗ trợ 40 triệu đồng/hộ mới thoát nghèo khi tham gia dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, phát triển sản xuất cộng đồng, phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thông qua "người đại diện" do Tổ, nhóm cộng đồng lựa chọn.

3. Phương thức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP. Cụ thể:

- Hỗ trợ bằng hiện vật, cung ứng dịch vụ cho tổ, nhóm cộng đồng. Việc mua sắm hàng hoá, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

- Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền cho tổ, nhóm cộng đồng tự triển khai thực hiện các hoạt động của dự án theo Quyết định phê duyệt dự án. Cơ quan quản lý dự án thanh toán kinh phí hỗ trợ cho tổ, nhóm, hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

- Phương thức kết hợp hỗ trợ trực tiếp bằng tiền và hỗ trợ bằng hiện vật, cung ứng dịch vụ.

4. Quy mô chung dự kiến

- Số lượng dự án: xác định theo hồ sơ đề xuất được tiếp nhận, đánh giá và phê duyệt.

- Đối tượng tham gia: các hộ dân đủ điều kiện, thuộc nhóm đối tượng được hỗ trợ theo quy định.

- Số lượng bò cái sinh sản: xác định theo nhu cầu thực tế của các hộ đủ điều kiện, mức hỗ trợ được phép, đơn giá dự toán và Quyết định phê duyệt dự án.

- Nội dung hỗ trợ: bò cái sinh sản và các nội dung bổ trợ phục vụ chăn nuôi nếu đủ điều kiện theo quy định.

- Tổng kinh phí dự kiến huy động: 1.234.000.000 đồng; trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 1.172.000.000 đồng (Ngân sách trung ương hỗ trợ 685.000.000 đồng, ngân sách tỉnh 487 triệu đồng, phần tham gia đối ứng của người dân dự kiến 62.000.000 đồng). Mức hỗ trợ cụ thể của từng dự án và từng đối tượng không vượt mức tối đa theo Nghị quyết số 73/2026/NQ-HĐND và chỉ được xác định chính thức tại Quyết định phê duyệt dự án.

5. Dự kiến phân bổ theo địa bàn:

Việc phân bổ kinh phí và số lượng bò cái sinh sản cho từng làng được thực hiện căn cứ kết quả rà soát nhu cầu, số hộ đủ điều kiện, điều kiện chăn nuôi, đơn giá dự toán và hồ sơ dự án được phê duyệt.

Hồ sơ từng dự án phải thể hiện tối thiểu:

- Tên địa bàn và tổ, nhóm cộng đồng tham gia.

- Danh sách hộ tham gia, phân loại đối tượng và số hộ được hỗ trợ trực tiếp.

- Số lượng bò cái sinh sản dự kiến hỗ trợ; tiêu chuẩn, nguồn gốc và đơn giá.

- Các nội dung hỗ trợ bổ trợ, nếu có.

- Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ, phần đối ứng của người dân và tổng nguồn lực.

- Phương án mua sắm, bàn giao, quản lý, chăm sóc và theo dõi đàn bò.

- Không phân bổ kinh phí hoặc xác định số lượng bò cho từng địa bàn khi chưa có đủ hồ sơ và căn cứ xác định nhu cầu, đơn giá, định mức và mức hỗ trợ hợp lệ.

IV. TRÌNH TỰ LỰA CHỌN, PHÊ DUYỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Thông báo và tiếp nhận hồ sơ

- Phòng Nông nghiệp - Hạ tầng chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân xã thông báo công khai Kế hoạch và nội dung mời đề xuất dự án trên phương tiện thông tin, Trang thông tin điện tử của xã và niêm yết tại trụ sở làm việc của phòng và Uỷ ban nhân dân xã theo quy định.

- Hồ sơ thực hiện theo Điều 31 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP:

Hồ sơ đề nghị dự án phát triển sản xuất cộng đồng

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 07 kèm theo Nghị định này;

b) Nội dung dự án theo Mẫu số 08 kèm theo Nghị định này;

c) Biên bản họp dân và các tài liệu khác (nếu có).

2. Tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất dự án

a) Phòng Nông nghiệp – Hạ tầng xã được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trình Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ đánh giá hồ sơ đề nghị dự án. Tổ đánh giá dự án tự giải thể sau khi cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt lựa chọn dự án. Phòng Nông nghiệp – Hạ tầng xã thực hiện nhiệm vụ giúp việc cho Tổ đánh giá.

Thành phần Tổ đánh giá bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Thủ trưởng phòng chuyên môn trực thuộc được ủy quyền; thành viên là lãnh đạo phòng chuyên môn có liên quan (trường hợp lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã là Tổ trưởng) hoặc đại diện phòng chuyên môn có liên quan (trường hợp Trưởng phòng chuyên môn là Tổ trưởng); chuyên gia hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất (nếu cần thiết).

b) Tổ đánh giá hồ sơ tiến hành đánh giá, cho ý kiến đối với các hồ sơ đề xuất dự án phát triển sản xuất cộng đồng trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

Nội dung đánh giá phải làm rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 30 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP; sự cần thiết thực hiện dự án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi sử dụng vốn nguồn ngân sách nhà nước (nếu có).

3. Công khai thông tin và hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án

a) Cơ quan được giao thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất công khai kết quả lựa chọn của Tổ đánh giá tại trụ sở làm việc trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo đánh giá của Tổ.

Nội dung công khai phải làm rõ dự án đủ điều kiện lựa chọn và cơ sở lựa chọn; dự án không đủ điều kiện lựa chọn và lý do không lựa chọn.

b) Trong thời hạn công khai thông tin, nếu nhận được kiến nghị của tổ, nhóm hộ, cơ quan được giao thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất phải có văn bản trả lời chậm nhất không quá 05 ngày làm việc. Trường hợp cần thiết, cơ quan lấy ý kiến Tổ đánh giá trước khi trả lời tổ, nhóm hộ.

c) Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày công khai thông tin, cơ quan được giao thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định lựa chọn dự án.

4. Quyết định lựa chọn dự án

a) Căn cứ ý kiến của Tổ đánh giá dự án, đề xuất của cơ quan được giao thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng chuyên môn trực thuộc quyết định phê duyệt lựa chọn dự án phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

b) Nội dung quyết định dự án bao gồm: tên dự án, phương án; đại diện cộng đồng và danh sách cộng đồng tham gia dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết; nguồn kinh phí thực hiện bao gồm: ngân sách nhà nước hỗ trợ, vốn vay tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); phương thức quản lý, sử dụng tài sản trong thời gian thực hiện dự án và xử lý tài sản khi kết thúc dự án (nếu có); phương thức hỗ trợ; giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

5. Tổ chức thực hiện sau khi dự án được phê duyệt

- Căn cứ Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, Phòng Nông nghiệp – Hạ tầng xã tiến hành ký hợp đồng với đại diện tổ, nhóm cộng đồng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất. Hợp đồng ký kết phải nêu rõ yêu cầu về tiến độ, kết quả, trách nhiệm của các bên liên quan trong thực hiện dự án.

- Phòng Nông nghiệp – Hạ tầng xã, tổ, nhóm hộ tổ chức thực hiện dự án theo yêu cầu nội dung, tiến độ, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tại Quyết định phê duyệt dự án và theo trách nhiệm tại hợp đồng ký kết.

- Phòng Nông nghiệp – Hạ tầng xã lập sổ theo dõi quá trình thực hiện, tổ chức nghiệm thu, thanh toán, giải ngân kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án theo Quyết định phê duyệt lựa chọn dự án và Hợp đồng ký kết với tổ, nhóm cộng đồng.

Quản lý, tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất của cộng đồng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP:

+ Quản lý, tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công thực hiện nhiệm vụ, dự án đầu tư thuộc chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công, Điều 12 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

+ Quản lý, tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và Thông tư của Bộ Tài chính quy định chi tiết về quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Tổ, nhóm hộ lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tài sản trong thời gian thực hiện dự án và xử lý tài sản khi kết thúc dự án theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP:

Thực hiện chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho cộng đồng dân cư hoặc đối tượng hỗ trợ của dự án (điểm a, khoản 3, Điều 25)

Tổ, nhóm cộng đồng và các đơn vị trực tiếp thực hiện dự án phát triển sản xuất có trách nhiệm quản lý, bảo vệ, sử dụng tài sản đúng mục tiêu theo Quyết định phê duyệt dự án. Đối với vật nuôi đã hỗ trợ, giao cho người dân tham gia dự án trực tiếp quản lý, sử dụng để thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất không phải thực hiện lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tài sản, trích khấu hao tài sản cố định trong thời gian thực hiện dự án (khoản 1, Điều 25).

- Phòng Nông nghiệp – Hạ tầng xã ký kết thanh lý hợp đồng với tổ, nhóm cộng đồng sau khi tổ, nhóm cộng đồng đã hoàn thành các nội dung theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án và hợp đồng ký kết với tổ, nhóm cộng đồng.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước:

- Căn cứ:

Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Ia Chia về việc điều chỉnh đơn vị thực hiện kinh phí sự nghiệp năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn xã Ia Chia: 1.087 triệu đồng.

Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 25/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 3824/QĐ-UBND ngày 09/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai: 16 triệu đồng và 69 triệu đồng từ ngân sách trung ương cấp bổ sung.

- Tổng kinh phí dự kiến huy động: 1.234.000.000 đồng; trong đó ngân sách nhà nước hỗ trợ 1.172.000.000 đồng (Ngân sách trung ương hỗ trợ 685.000.000 đồng, ngân sách tỉnh 487 triệu đồng, phần tham gia đối ứng của người dân dự kiến 62.000.000 đồng).

Mức hỗ trợ cụ thể của từng dự án và từng đối tượng không vượt mức tối đa theo Nghị quyết số 73/2026/NQ-HĐND và chỉ được xác định chính thức tại Quyết định phê duyệt dự án.

2. Nguồn đối ứng của người dân: Dự kiến 62.000.000 đồng. Mức đối ứng cụ thể được xác định trong hồ sơ từng dự án trên cơ sở tự nguyện, phù hợp điều kiện thực tế và khả năng của hộ dân; có thể được thể hiện bằng tiền, công lao động hoặc nguồn lực hợp pháp khác nếu được phép và được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

3. Nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có): Thực hiện lồng ghép, huy động theo quy định và không làm thay đổi mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí: Chỉ thực hiện hỗ trợ, mua sắm, thanh toán và giải ngân sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm đúng đối tượng, nội dung, định mức, chế độ, tiêu chuẩn, hồ sơ, chứng từ và quy định về công khai, thanh quyết toán.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp - Hạ tầng xã

- Là cơ quan chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai Kế hoạch; thực hiện thông báo, hướng dẫn lập hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ và tham mưu tổ chức đánh giá, lựa chọn, trình phê duyệt dự án theo đúng cơ chế, trình tự quy định.

- Rà soát điều kiện kỹ thuật, đối tượng, nội dung hỗ trợ, định mức kinh tế - kỹ thuật, quy mô, nhu cầu vật tư và tính phù hợp của phương án sản xuất; phối hợp kiểm tra, theo dõi, giám sát, nghiệm thu kết quả thực hiện.

- Tổ chức mua sắm, cung ứng bò cái sinh sản, vật tư, hàng hóa và dịch vụ theo phương thức được phê duyệt và quy định hiện hành (nếu có); bảo đảm chất lượng, số lượng, nguồn gốc và hồ sơ bàn giao.

- Phối hợp kiểm tra, tiếp nhận, bàn giao bò cho các hộ đủ điều kiện; lập và quản lý hồ sơ mua sắm, giao nhận, nghiệm thu, thanh toán và quyết toán theo quy định.

- Quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí đúng dự toán, đúng nguồn và đúng quy định pháp luật.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, chăm sóc, quản lý sinh sản, vệ sinh thú y, phòng chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

- Tổng hợp tiến độ, kết quả, khó khăn, vướng mắc; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân xã xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch xã

- Phối hợp rà soát nguồn kinh phí, cơ cấu nguồn vốn, chế độ, tiêu chuẩn, định mức và hồ sơ tài chính; hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán kinh phí theo chức năng, nhiệm vụ.

- Phối hợp kiểm tra việc sử dụng kinh phí, bảo đảm đúng dự toán, đúng nguồn và đúng quy định của pháp luật.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Phối hợp tuyên truyền, vận động người dân tham gia dự án đúng đối tượng, thực hiện đầy đủ cam kết và phần đối ứng theo phương án được phê duyệt.

- Phối hợp giám sát việc bình xét hộ tham gia, tiếp nhận và sử dụng bò hỗ trợ, thực hiện các cam kết của cộng đồng; phản ánh kịp thời những khó khăn, bất cập hoặc dấu hiệu sử dụng nguồn lực không đúng mục đích để cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

4. Ban phát triển các làng trên địa bàn xã

Phối hợp tổ chức họp dân, phổ biến mục tiêu, nội dung, điều kiện tham gia; rà soát, xác nhận nhu cầu, bình xét công khai các hộ đủ điều kiện và hỗ trợ tổ, nhóm cộng đồng hoàn thiện hồ sơ đề xuất dự án.

Phối hợp theo dõi tiến độ, tình hình chăn nuôi, việc tiếp nhận và sử dụng bò; vận động các hộ thực hiện đúng cam kết, bảo đảm chuồng trại, thức ăn, chăm sóc và phòng chống dịch bệnh.

Kịp thời tổng hợp, báo cáo các trường hợp bò bị bệnh, chết, thất lạc, hộ không còn đủ điều kiện chăn nuôi hoặc các vấn đề phát sinh khác về UBND xã (qua Phòng Nông nghiệp - Hạ tầng) để xem xét, xử lý.

Sau khi kết thúc thời gian hỗ trợ, tiếp tục tuyên truyền, vận động các hộ duy trì, chăm sóc và phát triển đàn bò; chia sẻ kinh nghiệm, nhân rộng mô hình khi bảo đảm điều kiện và hiệu quả.

5. Tổ, nhóm cộng đồng và các hộ tham gia dự án

Chủ động xây dựng hồ sơ đề xuất dự án, bảo đảm thông tin trung thực, đúng đối tượng, đủ điều kiện; thực hiện đầy đủ phần đối ứng và các cam kết đã được phê duyệt.

Tiếp nhận, quản lý, chăm sóc và sử dụng bò cái sinh sản đúng mục đích; không tự ý chuyển nhượng, bán, cho, tặng, trao đổi hoặc sử dụng tài sản được hỗ trợ trái quy định.

Bảo đảm điều kiện chuồng trại, thức ăn, nước uống và nhân lực chăm sóc; thực hiện đúng hướng dẫn chuyên môn về nuôi dưỡng, quản lý sinh sản, vệ sinh thú y, phòng chống dịch bệnh và xử lý chất thải chăn nuôi.

Chủ động theo dõi tình trạng sức khỏe, sinh trưởng và sinh sản của bò; kịp thời báo cáo cơ quan chuyên môn khi phát sinh dịch bệnh hoặc các sự cố ảnh hưởng đến vật nuôi và hiệu quả dự án.

Phối hợp kiểm tra, nghiệm thu, cung cấp thông tin, hồ sơ và thực hiện chế độ báo cáo; quản lý, sử dụng tài sản và thực hiện các nghĩa vụ sau hỗ trợ theo quy định.

6. Đơn vị cung ứng bò giống, vật tư và dịch vụ liên quan (nếu có)

Cung cấp bò cái sinh sản, vật tư và dịch vụ đúng số lượng, chất lượng, nguồn gốc, tiêu chuẩn kỹ thuật, đơn giá, tiến độ và các điều kiện đã được phê duyệt, ký kết.

Cung cấp đầy đủ hồ sơ liên quan đến nguồn gốc, tình trạng sức khỏe, kiểm dịch và các giấy tờ thú y bắt buộc đối với bò được cung ứng theo quy định.

Phối hợp kiểm tra, bàn giao, hướng dẫn tiếp nhận và xử lý các vấn đề phát sinh thuộc trách nhiệm của đơn vị cung ứng; thực hiện nghĩa vụ bảo hành hoặc trách nhiệm khác nếu có theo hợp đồng và quy định pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (hỗ trợ bò cái sinh sản) thuộc Nội dung thành phần số 03 của Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2026 trên địa bàn xã Ia Chia. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND xã (qua Phòng Nông nghiệp - Hạ tầng) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Thường trực HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức CT-XH;
- Phòng Nông nghiệp - Hạ tầng xã;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch xã;
- Ban phát triển các làng;
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Lưu: VT, NNHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ IA CHIA GIA LAI

Nguyễn Công Hoà